

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
QUÝ 1 NĂM 2024

Tp. Hồ Chí Minh, tháng 4 năm 2024

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2024

Đơn vị tính: đồng

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
1	2	3	4	5
<b>A – TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100=110+120+130+140+150)	<b>100</b>		<b>407.521.376.221</b>	<b>385.962.838.236</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>81.789.824.095</b>	<b>234.879.103.936</b>
1. Tiền	111	V.01	44.642.404.095	36.772.811.670
2. Các khoản tương đương tiền			37.147.420.000	198.106.292.266
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>V.02</b>	<b>225.000.000.000</b>	<b>85.000.000.000</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		225.000.000.000	85.000.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>93.770.039.092</b>	<b>58.765.209.483</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	76.631.422.747	47.101.566.173
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.04	734.661.178	574.161.817
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.05	17.620.530.186	12.306.056.512
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(1.216.575.019)	(1.216.575.019)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>5.185.890.519</b>	<b>5.185.890.519</b>
1. Hàng tồn kho	141		5.185.890.519	5.185.890.519
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1.775.622.515</b>	<b>2.132.634.298</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.06	1.581.346.205	1.147.729.107
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	726.585.607
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		194.276.310	258.319.584
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155	V.07	-	-
<b>B – TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)</b>	<b>200</b>		<b>282.070.143.113</b>	<b>289.139.154.288</b>
<b>I- Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>188.800.000</b>	<b>188.800.000</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		188.800.000	188.800.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>187.690.042.918</b>	<b>196.321.809.256</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	111.518.299.847	119.751.920.850
- Nguyên giá	222		616.423.121.778	616.379.016.778
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(504.904.821.931)	(496.627.095.928)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.09	76.171.743.071	76.569.888.406
- Nguyên giá	228		101.601.504.441	101.601.504.441
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(25.429.761.370)	(25.031.616.035)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
1	2	3	4	5
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>4.003.955.613</b>	<b>3.911.703.759</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		4.003.955.613	3.911.703.759
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>87.515.525.109</b>	<b>85.806.525.882</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		86.894.234.715	85.185.235.488
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.11	2.258.600.000	2.258.600.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(1.637.309.606)	(1.637.309.606)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>2.671.819.473</b>	<b>2.910.315.391</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.12	2.671.819.473	2.910.315.391
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>689.591.519.334</b>	<b>675.101.992.524</b>
<b>NGUỒN VỐN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu kỳ</b>
<b>1</b>	<b>2</b>	<b>3</b>	<b>4</b>	<b>5</b>
<b>A – NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>44.824.099.475</b>	<b>56.370.722.240</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>44.824.099.475</b>	<b>56.370.722.240</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	21.167.621.347	32.095.683.900
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		11.200.000	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	9.924.215.860	7.383.867.458
4. Phải trả người lao động	314	V.15	2.186.899.194	4.558.407.795
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	3.823.945.768	1.322.254.484
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17	7.009.286.811	8.330.578.108
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.18	700.930.495	2.679.930.495
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		-	-
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.19	-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.20	-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

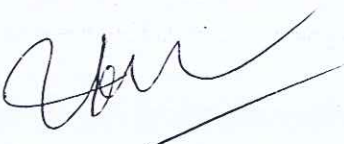
NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
1	2	3	4	5
<b>B - VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)</b>	<b>400</b>		<b>644.767.419.859</b>	<b>618.731.270.284</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	V.21	<b>644.767.419.859</b>	<b>618.731.270.284</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		340.000.000.000	340.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		340.000.000.000	340.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b			
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		60.123.448.000	60.123.448.000
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413			
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414			
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415			
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416			
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417			
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		103.623.271.921	103.623.271.921
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419			
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420			
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		122.770.337.340	96.754.375.918
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		96.754.375.918	4.577.270.986
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		26.015.961.422	92.177.104.932
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422			
13. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	423		18.250.362.598	18.230.174.445
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
1. Nguồn kinh phí	431			
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432			
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>689.591.519.334</b>	<b>675.101.992.524</b>

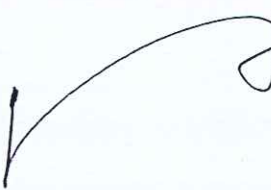
Tp. HCM, ngày 26 tháng 4 năm 2024

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

  
Võ Thái Hậu

  
Nguyễn Việt Trường



  
Lê Chí Đăng

## CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Mẫu số B 02 - DN  
(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Từ ngày 01/01/2024 đến 31/03/2024

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 1		Luỹ kế	
			Năm 2024	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2023
A	B	C	I	2	3	4
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	76.583.641.092	72.805.676.410	76.583.641.092	72.805.676.410
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02					
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		76.583.641.092	72.805.676.410	76.583.641.092	72.805.676.410
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.27	41.912.860.990	39.001.130.839	41.912.860.990	39.001.130.839
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		34.670.780.102	33.804.545.571	34.670.780.102	33.804.545.571
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.26	2.088.739.385	2.853.601.045	2.088.739.385	2.853.601.045
7. Chi phí tài chính	22	VI.28	-	-	-	-
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-	-	-
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		1.708.999.228	1.645.150.072	1.708.999.228	1.645.150.072
9. Chi phí bán hàng	25		43.735.160	350.636.497	43.735.160	350.636.497
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		6.208.994.312	5.280.249.997	6.208.994.312	5.280.249.997
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)}	30		32.215.789.243	32.672.410.194	32.215.789.243	32.672.410.194
12. Thu nhập khác	31		-	-	-	-
13. Chi phí khác	32		-	198.800.000	-	198.800.000
14. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		-	(198.800.000)	-	(198.800.000)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		32.215.789.243	32.473.610.194	32.215.789.243	32.473.610.194
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.30	6.179.639.667	6.266.971.293	6.179.639.667	6.266.971.293
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.30				
18. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		26.036.149.576	26.206.638.901	26.036.149.576	26.206.638.901
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		26.015.961.422	26.290.568.658	26.015.961.422	26.290.568.658
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		20.188.154	(83.929.757)	20.188.154	(83.929.757)
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		765	773	765	773
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71		765	773	765	773

Người lập biểu

Kế toán trưởng

TP. HCM, ngày 26 tháng 4 năm 2024

Giám đốc



*(Signature)*

*(Signature)*

Võ Thái Hậu

Nguyễn Viết Trường

Lê Chí Đăng

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

Quý 1

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến ngày 31/03	
			Năm 2024	Năm 2023
A	B	C	1	2
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
<i>1. Lợi nhuận trước thuế</i>	1		32.215.789.243	32.473.610.194
<i>2. Điều chỉnh cho các khoản</i>				
- Khấu hao TSCĐ	2		8.675.871.338	9.031.245.453
- Các khoản dự phòng	3		-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	4		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	5		(3.792.777.340)	(4.633.929.284)
- Chi phí lãi vay	6		-	-
- Các khoản điều chỉnh khác	7		-	-
<i>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	8		37.098.883.241	36.870.926.363
- Tăng, giảm các khoản phải thu	9		(32.651.647.094)	(11.360.257.417)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		-	184.132.000
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(13.481.107.388)	(24.906.018.491)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(195.121.180)	(6.465.375.775)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(5.151.298.238)	(4.318.728.012)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	(3.500.171.500)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20		(14.380.290.659)	(13.495.492.832)
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-	(1.355.788.686)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		20.558.680	4.851.946.500
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(147.147.420.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		7.147.420.000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.858.750.412	2.982.801.009
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30		(137.120.690.908)	6.478.958.823

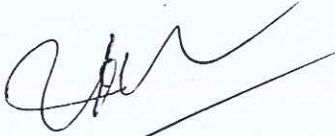
Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến ngày 31/03	
			Năm 2024	Năm 2023
A	B	C	1	2
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		-	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		-	-
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(1.588.298.274)	(173.356.570)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40		(1.588.298.274)	(173.356.570)
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)</i>	50		(153.089.279.841)	(7.189.890.579)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		234.879.103.936	230.653.505.475
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)</b>	70	31	<b>81.789.824.095</b>	<b>223.463.614.896</b>

Tp. HCM, ngày 26 tháng 4 năm 2024

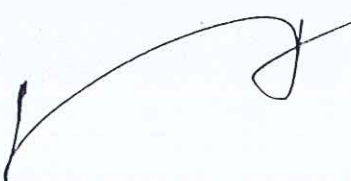
Người lập biểu

Kế toán trưởng

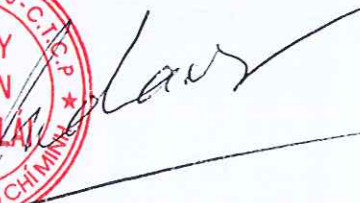
Giám đốc



Võ Thái Hậu



Nguyễn Việt Trường

Lê Chí Đăng

# CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 1/2024

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 1/2024

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái (sau đây gọi tắt là “Công ty” hay “Công ty mẹ”) là công ty cổ phần.

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ.

#### 3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Cho thuê cảng biển, cho thuê thiết bị xếp dỡ, dịch vụ bốc dỡ hàng hoá tại cảng biển.

#### 4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

#### 5. Cấu trúc nhóm Công ty

Nhóm Công ty bao gồm Công ty mẹ và một công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

#### 5a. Thông tin về tái cấu trúc nhóm Công ty

Trong năm, Nhóm Công ty không phát sinh việc mua thêm, thanh lý hay thoái vốn tại công ty con.

#### 5b. Danh sách Công ty con được hợp nhất

Công ty chỉ đầu tư vào 01 công ty con là Công ty Cổ phần Tiếp vận Quốc tế Cảng Cát Lái có trụ sở chính tại 43 đường số N2, khu dân cư Mega Village, khu Phố 3, phường Phú Hữu, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh. Hoạt động kinh doanh chính của công ty con này là Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khách liên quan đến vận tải. Tại ngày kết thúc năm tài chính, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại công ty con này là 54,29%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ phần sở hữu tương đương với tỷ lệ vốn góp.

#### 5c. Danh sách các Công ty liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

Nhóm Công ty chỉ đầu tư vào 01 công ty liên kết là Công ty Cổ phần Tân Cảng Quế Võ có trụ sở chính tại thôn Kiều Lương, xã Đức Long, thị xã Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh. Hoạt động kinh doanh chính của công ty liên kết này là cho thuê cảng cạn. Tại ngày kết thúc năm tài chính, tỷ lệ vốn góp của Nhóm Công ty tại công ty liên kết này là 20%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ phần sở hữu tương đương với tỷ lệ vốn góp.

#### 6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

#### 7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ báo cáo, có 85 nhân viên đang làm việc trong nhóm Công ty (số đầu năm là 85 nhân viên).



## **CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI**

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 1/2024**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

---

### **II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

#### **1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Nhóm Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

#### **2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

### **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **1. Chế độ kế toán áp dụng**

Nhóm Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

#### **2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

### **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

#### **2. Cơ sở hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc năm tài chính.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán của Công ty mẹ thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 1/2024

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa Công ty mẹ và công ty con, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty mẹ và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh.

Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

### 3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi nhóm Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi nhóm Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

### 4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CÀNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 1/2024

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

---

### 5. Các khoản đầu tư tài chính

#### *Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Nhóm Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Nhóm Công ty chỉ bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Thu nhập lãi từ các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dự thu.

#### *Các khoản đầu tư vào công ty liên kết*

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Nhóm Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Nhóm Công ty trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Nhóm Công ty có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Nhóm Công ty thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Nhóm Công ty khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

#### *Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác*

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Nhóm Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

#### *Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác*

Đối với khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không phải là tổ chức niêm yết, không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của đơn vị được đầu tư, với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại đơn vị và vốn chủ sở hữu thực có tại ngày kết thúc năm tài chính nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của nhóm Công ty tại đơn vị đó.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI**

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 1/2024**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

---

### **6. Các khoản phải thu**

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Nhóm Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Nhóm Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có). Mức trích lập căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

### **7. Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Nhóm Công ty chủ yếu là công cụ, dụng cụ và chi phí bảo hiểm phương tiện. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

#### ***Chi phí Công cụ, dụng cụ***

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

#### ***Chi phí bảo hiểm phương tiện***

Chi phí bảo hiểm phương tiện được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng theo thời gian trên hợp đồng bảo hiểm.

### **8. Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Nhóm Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 1/2024

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 30
Máy móc và thiết bị	03 – 12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03
Tài sản cố định khác	03

(\*) Phương tiện vận tải có thời gian khấu hao 3 năm là các tài sản mua cũ được khấu hao theo thời gian sử dụng còn lại của tài sản.

### 9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Nhóm Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Nhóm Công ty bao gồm:

#### *Quyền sử dụng đất*

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 50 năm.

#### *Chương trình phần mềm máy tính*

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Nhóm Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

### 10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Nhóm Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CÀNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 1/2024

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

---

### 11. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Nhóm Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

### 12. Vốn chủ sở hữu

#### *Vốn góp của chủ sở hữu*

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông của Công ty.

#### *Thặng dư vốn cổ phần*

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

### 13. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

### 14. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

#### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Nhóm Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 1/2024

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

---

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.

### *Tiền lãi*

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

### *Cổ tức được chia*

Cổ tức được chia được ghi nhận khi Công ty đã được quyền nhận cổ tức từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tặng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

## 15. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

## 16. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp chỉ bao gồm thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

## 17. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

## 18. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 1/2024

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

### V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

#### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	520.394.200	400.245.219
Tiền gửi ngân hàng	44.122.009.895	36.372.566.451
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống)	37.147.420.000	198.106.292.266
<b>Cộng</b>	<b>81.789.824.095</b>	<b>234.879.103.936</b>

#### 2. Các khoản đầu tư tài chính

##### 2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn trên 3 tháng	225.000.000.000	85.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>225.000.000.000</b>	<b>85.000.000.000</b>

##### 2b. Đầu tư vào công ty liên kết

Là khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Tân Cảng Quế Võ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty mẹ sở hữu 2.523.400 cổ phần, mệnh giá là 25.234.000.000 tương ứng với 20% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Tân Cảng Quế Võ.

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Giá gốc	78.225.400.000	78.225.400.000
Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	8.668.834.715	6.959.835.488
<b>Cộng</b>	<b>86.894.234.715</b>	<b>85.185.235.488</b>

##### 2c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty Cổ phần Cao su thành phố Hồ Chí Minh	2.258.600.000	(1.637.309.606)	2.258.600.000	(1.637.309.606)

Tại ngày kết thúc năm tài chính, nhóm Công ty nắm giữ 225.860 cổ phiếu, tương đương 0,83% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Cao su thành phố Hồ Chí Minh, không thay đổi so với số đầu năm.

##### Giá trị hợp lý

Nhóm Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

#### 3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>Phải thu các bên liên quan</b>	<b>73.175.441.204</b>	<b>40.782.894.076</b>
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	72.772.715.629	39.702.041.701



## CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 1/2024

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng Sóng Thần	269.622.000	947.748.800
Công ty Cổ phần Dịch vụ Container Tân Cảng	133.103.575	133.103.575
<b>Phải thu các khách hàng khác</b>	<b>3.455.981.543</b>	<b>6.318.672.097</b>
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Eco Green Truck	656.290.981	-
Công ty TNHH Queen Logistics 79	307.673.861	-
Các khách hàng khác	2.492.016.701	6.318.672.097
<b>Cộng</b>	<b>76.631.422.747</b>	<b>47.101.566.173</b>

#### 4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>Trả trước cho các bên liên quan</b>	<b>555.411.817</b>	<b>555.411.817</b>
Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình Tân Cảng	555.411.817	555.411.817
<b>Trả trước cho người bán khác</b>	<b>179.249.361</b>	<b>18.750.000</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Thiết kế Số Một	63.037.871	-
Các nhà cung cấp khác	116.211.490	18.750.000
<b>Cộng</b>	<b>734.661.178</b>	<b>574.161.817</b>

#### 5. Phải thu khác

##### 5a. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
<b>Phải thu các bên liên quan</b>	<b>6.846.976.094</b>	<b>-</b>	<b>849.796.700</b>	<b>-</b>
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn - thu chi hộ	6.819.437.094	-	849.796.700	-
Công ty Cổ phần Tân Cảng Tây Ninh	6.900.000	-	-	-
Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng Sóng Thần	20.639.000	-	-	-
<b>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</b>	<b>10.847.294.779</b>	<b>(17.558.567)</b>	<b>11.456.259.812</b>	<b>(17.558.567)</b>
Dự thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	1.218.493.152	-	2.051.199.779	-
Tạm ứng	2.425.468.634	-	1.739.315.843	-
Các khoản chi hộ	373.543.116	-	626.349.377	-
Công ty TNHH MTV Quang Thái Hồng (*)	6.736.930.124	-	6.736.930.124	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	19.119.066	(17.558.567)	302.464.689	(17.558.567)
<b>Cộng</b>	<b>17.620.530.186</b>	<b>(17.558.567)</b>	<b>12.306.056.512</b>	<b>(17.558.567)</b>

(\*) Phải thu Công ty TNHH MTV Quang Thái Hồng theo các quyết định của Tòa án liên quan đến vụ việc tranh chấp hợp đồng hợp tác kinh doanh giữa Tổng Công ty Nông nghiệp Sài Gòn – Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên với Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái và hợp đồng gửi giữ hàng hóa giữa Công ty TNHH MTV Quang Thái Hồng với Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái, theo đó:

## CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 1/2024

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Công ty phải trả cho Tổng Công ty Nông nghiệp Sài Gòn – Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên số tiền 6.195.984.546 VND (bao gồm tiền thuê và tiền lãi). Đến ngày 31/12/2023, Công ty đã hoàn thành nghĩa vụ thanh toán này.
- Công ty phải thu Công ty TNHH MTV Quang Thái Hồng số tiền 6.736.930.124 VND (bao gồm tiền thuê và tiền lãi). Do Công ty TNHH MTV Quang Thái Hồng vẫn chưa thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo Bản án và các quyết định thi hành án, Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh đã ban hành Quyết định số 67/QĐ-CCTHADS ngày 8/5/2023 về việc tạm hoãn xuất cảnh đối với Ông Nguyễn Hoàng Hải – Đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH MTV Quang Thái Hồng.

### 5b. Phải thu dài hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Ký quỹ, ký cược dài hạn	188.800.000	-	188.800.000	-

### 6. Dự phòng phải thu khó đòi

	Thời gian quá hạn	Số cuối kỳ		Thời gian quá hạn	Số đầu năm	
		Giá gốc	Dự phòng		Giá gốc	Dự phòng
Công ty Cổ phần Tuần Lộc Quảng Trị	Trên 03 năm	570.889.660	(570.889.660)	Trên 03 năm	570.889.660	(570.889.660)
Công ty CBF Coffee	Trên 03 năm	130.982.400	(130.982.400)	Trên 03 năm	130.982.400	(130.982.400)
Công ty Cổ phần Dịch vụ Container Tân Cảng	Trên 03 năm	133.103.575	(133.103.575)	Trên 03 năm	133.103.575	(133.103.575)
Công ty TNHH Thương mại và Vận tải Hoàng Anh NB	Quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm	219.912.500	(153.938.750)	Quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm	219.912.500	(153.938.750)
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Dầu khí Vận tải Tân Minh Phát	Quá hạn từ 6 tháng đến dưới 2 năm	121.500.000	(60.750.000)	Quá hạn từ 6 tháng đến dưới 2 năm	121.500.000	(60.750.000)
Các khách hàng khác	Quá hạn từ 01 năm đến trên 03 năm	181.205.634	(166.910.634)	Quá hạn từ 01 năm đến trên 03 năm	181.205.634	(166.910.634)
<b>Cộng</b>		<b>1.357.593.769</b>	<b>(1.216.575.019)</b>		<b>1.357.593.769</b>	<b>(1.216.575.019)</b>

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi ngắn hạn như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	1.216.575.019	1.003.434.442
Trích lập dự phòng bổ sung		213.140.577
<b>Số cuối năm</b>	<b>1.216.575.019</b>	<b>1.216.575.019</b>

### 7. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công cụ, dụng cụ	5.185.890.519	-	5.185.890.519	-

## CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 1/2024

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

### 8. Chi phí trả trước

#### 8a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí bảo hiểm phương tiện	89.351.861	274.073.844
Phí sử dụng đường bộ	169.658.545	152.226.264
Chi phí thuê đất năm 2024	645.798.960	-
Chi phí sửa chữa	625.378.198	721.428.999
Các chi phí khác	51.158.641	-
<b>Cộng</b>	<b><u>1.581.346.205</u></b>	<b><u>1.147.729.107</u></b>

#### 8b. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí công cụ dụng cụ	2.635.369.195	2.782.094.926
Các chi phí khác	36.450.278	128.220.465
<b>Cộng</b>	<b><u>2.671.819.473</u></b>	<b><u>2.910.315.391</u></b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN CANG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ I/2024

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

9. Tài sản cố định hữu hình	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá	195.087.317.394	359.421.314.524	58.754.971.645	1.799.872.937	1.315.540.278	616.379.016.778
Số đầu năm	-	44.105.000	14.187.702.089	-	-	44.105.000
Mua trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	14.187.702.089
Số cuối kỳ	195.087.317.394	359.465.419.524	44.567.269.556	1.799.872.937	1.315.540.278	602.235.419.689
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	48.255.215.546	157.853.699.593	-	55.400.545	-	206.164.315.684
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-
<b>Giá trị hao mòn</b>						
Số đầu năm	118.051.768.260	336.051.057.283	41.262.515.609	755.195.068	506.559.708	496.627.095.928
Khấu hao trong kỳ	1.725.426.135	4.725.555.456	537.731.409	117.606.033	84.426.618	7.190.745.651
Thanh lý, nhượng bán	-	-	13.100.721.737	-	-	13.100.721.737
Số cuối kỳ	119.777.194.395	340.776.612.739	28.699.525.281	872.801.101	590.986.326	490.717.119.842
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số đầu năm	77.035.549.134	23.370.257.241	17.492.456.036	1.044.677.869	808.980.570	119.751.920.850
Số cuối kỳ	75.310.122.999	18.688.806.785	15.867.744.275	927.071.836	724.553.952	111.518.299.847
<i>Trong đó:</i>						
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-

## CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 1/2024

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

### 10. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm máy tính	Cộng
<b>Nguyên giá</b>			
Số đầu năm	101.262.004.441	339.500.000	101.601.504.441
Mua trong năm	-	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>101.262.004.441</b>	<b>339.500.000</b>	<b>101.601.504.441</b>
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	339.500.000	339.500.000
<b>Giá trị hao mòn</b>			
Số đầu năm	24.694.099.349	337.516.686	25.031.616.035
Khấu hao trong năm	396.162.021	1.983.314	398.145.335
<b>Số cuối năm</b>	<b>25.090.261.370</b>	<b>339.500.000</b>	<b>25.429.761.370</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số đầu năm	76.567.905.092	1.983.314	76.569.888.406
<b>Số cuối năm</b>	<b>76.171.743.071</b>	<b>-</b>	<b>76.171.743.071</b>
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời không sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

### 11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Số cuối kỳ
Xây dựng cơ bản dở dang	553.543.848		-	553.543.848
<i>Dự án cải tạo cầu cảng số 7 - tiếp nhận tàu có trọng tải đến 40.000 DWT</i>	330.010.148		-	330.010.148
<i>Dự án cải tạo cầu cảng 2.200 DWT - tiếp nhận tàu có trọng tải đến 5.000DWT</i>	223.533.700		-	223.533.700
Chi phí sửa chữa Tài sản cố định	3.358.159.911		-	3.358.159.911
<b>Cộng</b>	<b>3.911.703.759</b>		<b>-</b>	<b>3.911.703.759</b>

### 12. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>Phải trả các bên liên quan</b>	<b>13.706.776.730</b>	<b>17.488.983.092</b>
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	5.623.676	16.143.301
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng	244.758.134	1.441.310.050
Công ty TNHH Phát triển Nguồn nhân lực Tân Cảng - STC		189.313.200
Công ty Cổ phần Tiếp vận Cát Lái	223.383.000	193.480.000
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Miền Bắc	267.192.000	267.192.000

## CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 1/2024

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Đầu tư Tiếp vận Tân Cảng Hồng Ngọc Phú Quốc	12.965.819.920	15.381.544.541
<b>Phải trả các nhà cung cấp khác</b>	<b>7.460.844.617</b>	<b>14.606.700.808</b>
Công ty TNHH Thương mại Xây dựng Hồng Lĩnh		1.049.376.088
Công ty Bảo hiểm MIC An Phú	101.477.039	
Công ty Cổ phần Công nghệ Ecotruck		3.021.634.346
Công ty TNHH Vận tải Cát Lái	981.936.000	-
Hộ kinh doanh Sơn Tuyền	3.995.636.470	6.992.799.940
Các nhà cung cấp khác	2.381.795.108	3.542.890.434
<b>Cộng</b>	<b>21.167.621.347</b>	<b>32.095.683.900</b>

Nhóm Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

### 13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	458.427.361	-	5.736.379.693	3.150.398.791	3.044.408.263	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.151.298.238	-	6.179.639.667	5.151.298.238	6.179.639.667	
Thuế thu nhập cá nhân	1.774.141.859	-	287.355.928	2.158.351.863		96.854.076
Thuế nhà đất	-	-	15.499.175	15.499.175	-	
Tiền thuê đất	-	258.319.584	861.065.280	-	602.745.696	
Thuế môn bài	-	-	6.000.000	6.000.000	-	
<b>Cộng</b>	<b>7.383.867.458</b>	<b>258.319.584</b>	<b>13.085.939.743</b>	<b>10.481.548.067</b>	<b>9.826.793.626</b>	<b>96.854.076</b>

#### Thuế giá trị gia tăng

Nhóm công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

Dịch vụ cung cấp cho các hãng tàu nước ngoài	0%
Cung cấp nước sạch	5%
Các dịch vụ khác	8% - 10%

#### Thuế thu nhập doanh nghiệp

Các Công ty trong Nhóm Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Các Công ty trong Nhóm Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

#### Thuế nhà đất

Thuế nhà đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

#### Các loại thuế khác

Nhóm Công ty kê khai và nộp theo quy định.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 1/2024

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

### 14. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<b>3.823.945.768</b>	<b>1.322.254.484</b>
Chi phí sửa chữa	129.670.364	-
Chi phí vận chuyên, bốc xếp	3.219.988.763	1.020.317.217
Chi phí nhiên liệu		-
Chi phí tiền điện	474.286.641	301.937.267
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác		-
<b>Cộng</b>	<b>3.823.945.768</b>	<b>1.322.254.484</b>

### 15. Phải trả khác

#### 15a. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<b>192.000.000</b>	<b>5.800.000</b>
Thù lao HĐQT, BKS	192.000.000	-
Công ty Cổ phần Tiếp vận Cát Lái - Chi phí vận chuyên		5.800.000
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	<b>6.817.286.811</b>	<b>8.324.778.108</b>
Kinh phí công đoàn	34.256.414	35.291.786
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	73.525.081	9.596.940
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	604.150.000	582.590.000
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	4.545.993.615	6.217.886.535
Các khoản chi hộ phải trả	-	1.458.122.847
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	1.559.361.701	21.290.000
<b>Cộng</b>	<b>7.009.286.811</b>	<b>8.330.578.108</b>

Nhóm Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

### 16. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong kỳ	Số cuối kỳ
Quỹ khen thưởng	1.966.322.863		(1.314.000.000)	677.802.906
Quỹ phúc lợi	708.747.750		(665.000.000)	18.267.707
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	4.859.882		-	4.859.882
<b>Cộng</b>	<b>2.679.930.495</b>		<b>(1.979.000.000)</b>	<b>700.930.495</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN CÀNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 1/2024

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

#### 17. Vốn chủ sở hữu

##### 17a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	Cộng
<i>Năm trước</i>						
Số dư đầu năm	340.000.000.000	60.123.448.000	103.623.271.921	130.010.680.692	16.617.337.167	650.374.737.780
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	96.847.450.473	1.652.837.278	98.500.287.751
Chia cổ tức	-	-	-	(125.120.000.000)	(40.000.000)	(125.160.000.000)
Trích quỹ khen thưởng Ban điều hành từ lợi nhuận năm trước	-	-	-	(313.409.706)	-	(313.409.706)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận trong năm	-	-	-	(4.670.345.541)	-	(4.670.345.541)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>340.000.000.000</b>	<b>60.123.448.000</b>	<b>103.623.271.921</b>	<b>96.754.375.918</b>	<b>18.230.174.445</b>	<b>618.731.270.284</b>
<i>Năm nay</i>						
Số dư đầu năm	340.000.000.000	60.123.448.000	103.623.271.921	96.754.375.918	18.230.174.445	618.731.270.284
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	26.015.961.422	20.188.153	26.036.149.575
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-
Trích quỹ khen thưởng Ban điều hành từ lợi nhuận năm trước	-	-	-	-	-	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận năm nay	-	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>340.000.000.000</b>	<b>60.123.448.000</b>	<b>103.623.271.921</b>	<b>122.770.337.340</b>	<b>18.250.362.598</b>	<b>644.767.419.859</b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 1/2024

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

### 17b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vốn đầu tư của Nhà nước	162.149.200.000	162.149.200.000
Trong đó:		
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	87.161.700.000	87.161.700.000
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Công ích Thanh niên xung phong	74.987.500.000	74.987.500.000
Vốn góp của các cổ đông khác	177.850.800.000	177.850.800.000
Thặng dư vốn cổ phần	60.123.448.000	60.123.448.000
<b>Cộng</b>	<b><u>400.123.448.000</u></b>	<b><u>400.123.448.000</u></b>

### 17c. Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	34.000.000	34.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành	34.000.000	34.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	34.000.000	34.000.000

Mệnh giá cổ phiếu phổ thông đang lưu hành: 10.000 VND.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 1/2024

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

### VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

#### 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu dịch vụ cho thuê cảng biển	37.500.000.000	37.500.000.000
Doanh thu dịch vụ vận tải	29.053.716.645	26.192.306.364
Doanh thu dịch vụ cho thuê thiết bị xếp dỡ	6.025.280.300	7.263.110.133
Doanh thu bán hàng hóa	588.282.710	
Doanh thu dịch vụ khác	3.416.361.437	1.850.259.913
<b>Cộng</b>	<b><u>76.583.641.092</u></b>	<b><u>72.805.676.410</u></b>

#### 2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn hàng bán	41.912.860.990	39.001.130.839
<b>Cộng</b>	<b><u>41.912.860.990</u></b>	<b><u>39.001.130.839</u></b>

#### 3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi ngân hàng	2.088.739.385	2.853.601.045
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện		
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		
<b>Cộng</b>	<b><u>2.088.739.385</u></b>	<b><u>2.853.601.045</u></b>

#### 4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh		
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		
<b>Cộng</b>		

#### 5. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí dịch vụ mua ngoài		
Các chi phí khác	43.735.160	350.636.497
<b>Cộng</b>	<b><u>43.735.160</u></b>	<b><u>350.636.497</u></b>

#### 6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	3.875.099.239	3.157.040.219

## CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 1/2024

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí vật liệu quản lý	37.938.818	57.268.649
Chi phí đồ dùng văn phòng	15.519.000	30.319.636
Chi phí khấu hao tài sản cố định	518.023.118	457.737.303
Thuế, phí và lệ phí	21.499.175	22.317.020
Dự phòng phải thu khó đòi	-	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	490.798.672	400.810.358
Các chi phí khác	1.250.116.290	1.154.756.812
<b>Cộng</b>	<b><u>6.208.994.312</u></b>	<b><u>5.280.249.997</u></b>
<b>7. Thu nhập khác</b>		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định		
Thanh lý thiết bị văn phòng		
Thu nhập khác		
<b>Cộng</b>		
<b>8. Chi phí khác</b>		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thuế bị phạt chậm nộp		
Chi phí ủng hộ		
Chi phí khác		184.800.000
<b>Cộng</b>		<b><u>184.800.000</u></b>
<b>9. Lãi trên cổ phiếu</b>		
<b>9a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu</b>		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông Công ty mẹ	26.015.961.422	26.290.568.658
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi Công ty mẹ (*)		
Quỹ khen thưởng ban điều hành Công ty mẹ		
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi Công ty con		
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	26.015.961.422	26.290.568.658
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	34.000.000	34.000.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b><u>765</u></b>	<b><u>773</u></b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 1/2024

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

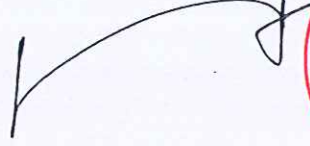
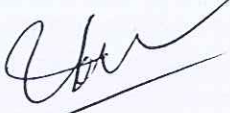
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Lập, ngày 26 tháng 04 năm 2024

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Võ Thái Hậu

Nguyễn Việt Trường

Lê Chí Đăng

